

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/04/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Hạnh và bà Trần Thị Phương Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/09/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T (chị T) trình bày: Chị T và anh Đặng Văn M tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 19/12/2022. Sau khi kết hôn, chị T và anh M đi làm và sinh sống ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, chị T và anh M không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to

tiếng, mỗi lần cãi vã anh M xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị T. Đến tháng 3/2023, vợ chồng cãi vã rất lớn, dẫn đến tình cảm rạn nứt, chị T không tiếp tục sống chung với anh M được nên về nhà cha mẹ ruột của ở tỉnh Đắk Nông sinh sống. Chị T và anh M ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chị T và anh M sống ly thân, anh M không có hành động hàn gắn, vợ chồng vẫn cãi vã. Chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh M, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh M nên yêu cầu được ly hôn anh M.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

* *Quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Văn M (anh M) trình bày:* Anh M tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 19/12/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng tính tình không hợp, không có điểm chung, thường xuyên cãi vã; T đã tự ý bỏ về sống cùng cha mẹ ruột tại tỉnh Đắk Nông; vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, hỏi han nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh M đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh M đồng ý ly hôn; vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M; chị T và anh M không có con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh M có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật

Tổ tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T, anh M có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 19/12/2022 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh M đều xác định quá trình sống chung, vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, dẫn đến chị T và anh M đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Vì vậy, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh M đồng ý. Do đó, có căn cứ thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh M không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M.

[3] *Về con chung*: Chị T xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị T xác định chị và anh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T, anh M thuận tình ly hôn nên chị T, anh M mỗi người phải chịu một nửa án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn M1.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0008653 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. H lại cho chị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị đơn anh Đặng Văn M phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Lộc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Tiên